

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2017

V/v “tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Trần Văn Nhu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L** sinh năm: 1977

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh **Lê Kim Q** (Chín N) sinh năm: 1970

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Chị L, anh Q có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Lê Kim Q tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Q thường xuyên uống rượu bia về đánh đập vợ con, có lời lẽ xúc phạm danh dự nhân phẩm chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Diễm T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001 và Lê Quang V sinh ngày 25 tháng 9 năm 2003 hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng/01 con đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai không ghi ngày tháng năm, biên bản hòa giải ngày 27 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử bị đơn là anh Lê Kim Q trình bày: Anh thống nhất với chị L về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn và con chung. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh có ghen tuông nên vợ chồng cãi nhau, anh và chị L không có sống ly thân với nhau. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị L. Về con chung: anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Kim Q tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2001 đến ngày 20 tháng 9 năm 2002 được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống chị L và anh Q đều xác định tại phiên tòa là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày từ năm 2014 và cũng không còn quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2017 đến nay, chị L và anh Q cũng không có trao đổi để hàn gắn tình cảm với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị L ly hôn với anh Q là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị L và anh Q có 02 con chung tên Lê Thị Diễm T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001 và Lê Quang V sinh ngày 25 tháng 9 năm 2003 hiện đang sống với chị L. Nay chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Anh Q không đồng ý và cũng yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét thấy cháu T và cháu V hiện đang sống với chị L đã lâu dài và ổn định, cần tránh sự xáo trộn cuộc sống của 02 cháu và theo nguyện vọng của cháu T, cháu V cũng mong muốn được sống với mẹ. Do đó, cần giao cháu T, cháu V cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng/01 con cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, anh Q không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L. Xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng chị L yêu cầu là 700.000 đồng/tháng/01con là thấp so với tình hình thực tế hiện tại cho việc nuôi 02 con chung nhưng đây là quyền của chị L cũng phù hợp pháp luật nên buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng/01 con đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Kim Q.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Diễm T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001 và Lê Quang V sinh ngày 25 tháng 9 năm 2003 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Lê Kim Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng)/01 con (02 con là 1.400.000 đồng) đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh Q.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Kim Q chậm thi hành đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 07133 ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Anh Lê Kim Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã A,
huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

